

CHƯƠNG TRÌNH ĐỌC

*Xin chọn một chương trình
phù hợp với bạn.*



3. CHƯƠNG TRÌNH ĐỌC KINH THÁNH MỘT-HAI (qua Cựu Ước một lần và Tân Ước hai lần)			
2. ĐỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH ĐỜI SỐNG VỮNG CHẮC			
Ngày	1. ĐỌC TÂN ƯỚC	(đọc hai cột)	(đọc cả ba cột)
1-01	☐ Luca 1	☐ Sáng Thế Ký 1	☐ Giu-đe
1-02	☐ Luca 2	☐ Sáng Thế Ký 2-3	☐ Khải 1
1-03	☐ Luca 3	☐ Sáng Thế Ký 4-5	☐ Khải 2
1-04	☐ Luca 4	☐ Sáng Thế Ký 6-8	
1-05	☐ Luca 5	☐ Sáng Thế Ký 9-10	☐ Khải 3
1-06	☐ Luca 6	☐ Gióp 1-2	☐ Khải 4
1-07	☐ Luca 7	☐ Gióp 3-4	☐ Khải 5
1-08	☐ Luca 8	☐ Gióp 5-6	
1-09	☐ Luca 9	☐ Gióp 7-8	
1-10	☐ Luca 10	☐ Gióp 9-10	☐ Khải 6
1-11	☐ Luca 11	☐ Gióp 11-12	☐ Khải 7
1-12	☐ Luca 12	☐ Gióp 13-14	
1-13	☐ Luca 13	☐ Gióp 15-16	☐ Khải 8
1-14	☐ Luca 14	☐ Gióp 17-19	☐ Khải 9
1-15	☐ Luca 15	☐ Gióp 20-21	☐ Khải 10
1-16	☐ Luca 16	☐ Gióp 22-23	☐ Khải 11
1-17	☐ Luca 17	☐ Gióp 24-26	☐ Khải 12
1-18	☐ Luca 18	☐ Gióp 27-28	☐ Khải 13
1-19	☐ Luca 19	☐ Gióp 29, Thi 121	☐ Khải 14
1-20	☐ Luca 20	☐ Gióp 30-31	☐ Khải 15
1-21	☐ Luca 21	☐ Gióp 32-33	☐ Khải 16
1-22	☐ Luca 22	☐ Gióp 34	
1-23	☐ Luca 23	☐ Gióp 35, Thi 6	☐ Khải 17
1-24	☐ Luca 24	☐ Gióp 36	☐ Khải 18
1-25	☐ Cvcsđ 1	☐ Gióp 37-38	☐ Khải 19
1-26	☐ Cvcsđ 2	☐ Gióp 39-40	
1-27	☐ Cvcsđ 3	☐ Gióp 41-42, Sáng Thế Ký 11	☐ Khải 20
1-28	☐ Cvcsđ 4	☐ Sáng Thế Ký 12-14	☐ Khải 21
1-29	☐ Cvcsđ 5	☐ Sáng Thế Ký 15-17	☐ Khải 22
1-30	☐ Cvcsđ 6	☐ Sáng Thế Ký 18-19, Thi 61	☐ Mathiơ 1
1-31	☐ Cvcsđ 7	☐ Sáng Thế Ký 20-21	☐ Mathiơ 2
2-01	☐ Cvcsđ 8	☐ Sáng Thế Ký 22-23	☐ Mathiơ 3
2-02	☐ Cvcsđ 9	☐ Sáng Thế Ký 24	☐ Mathiơ 4

3. CHƯƠNG TRÌNH ĐỌC KINH THÁNH MỘT-HAI (qua Cựu Ước một lần và Tân Ước hai lần)			
2. ĐỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH ĐỜI SỐNG VỮNG CHẮC			
Ngày	1. ĐỌC TÂN ƯỚC	(đọc hai cột)	(đọc cả ba cột)
2-03	☐ Cvcsd 10	☐ Sáng Thế Ký 25–26	
2-04	☐ Cvcsd 11	☐ Sáng Thế Ký 27–28	☐ Mathiơ 5
2-05	☐ Cvcsd 12	☐ Sáng Thế Ký 29–30	☐ Mathiơ 6
2-06	☐ Cvcsd 13	☐ Sáng Thế Ký 31	☐ Mathiơ 7
2-07	☐ Cvcsd 14	☐ Sáng Thế Ký 32–33	☐ Mathiơ 8
2-08	☐ Cvcsd 15	☐ Sáng Thế Ký 34–35	☐ Mathiơ 9
2-09	☐ Cvcsd 16	☐ Sáng Thế Ký 36	☐ Mathiơ 10
2-10	☐ Cvcsd 17	☐ Sáng Thế Ký 37–38	☐ Mathiơ 11
2-11	☐ Cvcsd 18	☐ Sáng Thế Ký 39–40	☐ Mathiơ 12
2-12	☐ Cvcsd 19	☐ Sáng Thế Ký 41	☐ Mathiơ 13
2-13	☐ Cvcsd 20	☐ Sáng Thế Ký 42–43	
2-14	☐ Cvcsd 21	☐ Sáng Thế Ký 44–45	☐ Mathiơ 14
2-15	☐ Cvcsd 22	☐ Sáng Thế Ký 46–47	☐ Mathiơ 15
2-16	☐ Cvcsd 23	☐ Sáng Thế Ký 48–49	☐ Mathiơ 16
2-17	☐ Cvcsd 24	☐ Sáng Thế Ký 50, Xuất 1, Thi 140	☐ Mathiơ 17
2-18	☐ Cvcsd 25	☐ Xuất 2–3	☐ Mathiơ 18
2-19	☐ Cvcsd 26	☐ Xuất 4–5	☐ Mathiơ 19
2-20	☐ Cvcsd 27	☐ Xuất 6–7	☐ Mathiơ 20
2-21	☐ Cvcsd 28	☐ Xuất 8–9	☐ Mathiơ 21
2-22	☐ Rôma 1	☐ Xuất 10–11, Thi 31	☐ Mathiơ 22
2-23	☐ Rôma 2	☐ Xuất 12–13	
2-24	☐ Rôma 3	☐ Xuất 14–15	☐ Mathiơ 23
2-25	☐ Rôma 4	☐ Xuất 16–17, Thi 24	☐ Mathiơ 24
2-26	☐ Rôma 5	☐ Xuất 18–19, Thi 19	☐ Mathiơ 25
2-27	☐ Rôma 6	☐ Xuất 20, Thi 119:1–48	☐ Mathiơ 26
2-28	☐ Rôma 7	☐ Xuất 21, Thi 119:49–96	
3-01	☐ Rôma 8	☐ Xuất 22, Thi 119:97–136	
3-02	☐ Rôma 9	☐ Xuất 23, Thi 119:137–176	
3-03	☐ Rôma 10	☐ Xuất 24–25, Thi 129	☐ Mathiơ 27
3-04	☐ Rôma 11	☐ Xuất 26–27	☐ Mathiơ 28
3-05	☐ Rôma 12	☐ Xuất 28–29	
3-06	☐ Rôma 13	☐ Xuất 30–31, Thi 132	
3-07	☐ Rôma 14	☐ Xuất 32–33, Thi 1	
3-08	☐ Rôma 15	☐ Xuất 34–35	
3-09	☐ Rôma 16	☐ Xuất 36–37	
3-10	☐ Giảng 1	☐ Xuất 38–39	
3-11	☐ Giảng 2	☐ Xuất 40, Lê Vi Ký 1	
3-12	☐ Giảng 3	☐ Lê Vi Ký 2–4	

3. CHƯƠNG TRÌNH ĐỌC KINH THÁNH MỘT-HAI (qua Cựu Ước một lần và Tân Ước hai lần)			
2. ĐỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH ĐỜI SỐNG VỮNG CHẮC			
Ngày	1. ĐỌC TÂN ƯỚC	(đọc hai cột)	(đọc cả ba cột)
3-13	☐ Giảng 4	☐ Lê Vi Ký 5–6	
3-14	☐ Giảng 5	☐ Lê Vi Ký 7–8	
3-15	☐ Giảng 6	☐ Lê Vi Ký 9–10	
3-16	☐ Giảng 7	☐ Lê Vi Ký 11–12	
3-17	☐ Giảng 8	☐ Lê Vi Ký 13	
3-18	☐ Giảng 9	☐ Lê Vi Ký 14	
3-19	☐ Giảng 10	☐ Lê Vi Ký 15, Thi 103	
3-20	☐ Giảng 11	☐ Lê Vi Ký 16–17	
3-21	☐ Giảng 12	☐ Lê Vi Ký 18–19	
3-22	☐ Giảng 13	☐ Lê Vi Ký 20–21	
3-23	☐ Giảng 14	☐ Lê Vi Ký 22–23	
3-24	☐ Giảng 15	☐ Lê Vi Ký 24–25	
3-25	☐ Giảng 16	☐ Lê Vi Ký 26, Thi 12	
3-26	☐ Giảng 17	☐ Lê Vi Ký 27, Thi 136	
3-27	☐ Giảng 18	☐ Dân Số Ký 1	
3-28	☐ Giảng 19	☐ Dân Số Ký 2, Thi 46	
3-29	☐ Giảng 20	☐ Dân Số Ký 3, Thi 67	
3-30	☐ Giảng 21	☐ Dân Số Ký 4, Thi 21	
3-31	☐ 1 Côr 1	☐ Dân Số Ký 5–6	
4-01	☐ 1 Côr 2	☐ Dân Số Ký 7	
4-02	☐ 1 Côr 3	☐ Dân Số Ký 8–10	
4-03	☐ 1 Côr 4	☐ Dân Số Ký 11–12, Thi 148	☐ Mác 1
4-04	☐ 1 Côr 5	☐ Dân Số Ký 13–14, Thi 81	
4-05	☐ 1 Côr 6	☐ Dân Số Ký 15, Thi 90	☐ Mác 2
4-06	☐ 1 Côr 7	☐ Dân Số Ký 16	
4-07	☐ 1 Côr 8	☐ Dân Số Ký 17–18, Thi 73	☐ Mác 3
4-08	☐ 1 Côr 9	☐ Dân Số Ký 19–20, Thi 47	☐ Mác 4
4-09	☐ 1 Côr 10	☐ Dân Số Ký 21, Thi 49	
4-10	☐ 1 Côr 11	☐ Dân Số Ký 22, Thi 84	☐ Mác 5
4-11	☐ 1 Côr 12	☐ Dân Số Ký 23–24	☐ Mác 6
4-12	☐ 1 Côr 13	☐ Dân Số Ký 25–26	
4-13	☐ 1 Côr 14	☐ Dân Số Ký 27–28	
4-14	☐ 1 Côr 15	☐ Dân Số Ký 29	
4-15	☐ 1 Côr 16	☐ Dân Số Ký 30–31	
4-16	☐ 2 Côr 1	☐ Dân Số Ký 32, Thi 74	
4-17	☐ 2 Côr 2	☐ Dân Số Ký 33, Thi 65	☐ Mác 7
4-18	☐ 2 Côr 3	☐ Dân Số Ký 34–36	

3. CHƯƠNG TRÌNH ĐỌC KINH THÁNH MỘT-HAI (qua Cựu Ước một lần và Tân Ước hai lần)			
2. ĐỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH ĐỜI SỐNG VỮNG CHẮC			
Ngày	1. ĐỌC TÂN ƯỚC	(đọc hai cột)	(đọc cả ba cột)
4-19	☐ 2 Cô-r 4	☐ Phục Truyền 1–2	
4-20	☐ 2 Cô-r 5	☐ Phục Truyền 3–4	
4-21	☐ 2 Cô-r 6	☐ Phục Truyền 5–6, Thi 64	☐ Mác 8
4-22	☐ 2 Cô-r 7	☐ Phục Truyền 7–8, Thi 139	☐ Mác 9
4-23	☐ 2 Cô-r 8	☐ Phục Truyền 9–10, Thi 143	☐ Mác 10
4-24	☐ 2 Cô-r 9	☐ Phục Truyền 11–13	
4-25	☐ 2 Cô-r 10	☐ Phục Truyền 14–15, Thi 88	
4-26	☐ 2 Cô-r 11	☐ Phục Truyền 16–17, Thi 2	☐ Mác 11
4-27	☐ 2 Cô-r 12	☐ Phục Truyền 18–20	☐ Mác 12
4-28	☐ 2 Cô-r 13	☐ Phục Truyền 21–22, Thi 145	
4-29	☐ Galati 1	☐ Phục Truyền 23–24, Thi 91	☐ Mác 13
4-30	☐ Galati 2	☐ Phục Truyền 25–27	☐ Mác 14
5-01	☐ Galati 3	☐ Phục Truyền 28	
5-02	☐ Galati 4	☐ Phục Truyền 29–30, Thi 15	☐ Mác 15
5-03	☐ Galati 5	☐ Phục Truyền 31–32	
5-04	☐ Galati 6	☐ Phục Truyền 33–34, Thi 94	
5-05	☐ Ê-phê-sô 1	☐ Giô-suê 1–3	
5-06	☐ Ê-phê-sô 2	☐ Giô-suê 4–5, Thi 71	☐ Mác 16
5-07	☐ Ê-phê-sô 3	☐ Giô-suê 6–7	
5-08	☐ Ê-phê-sô 4	☐ Giô-suê 8–9	
5-09	☐ Ê-phê-sô 5	☐ Giô-suê 10–11	
5-10	☐ Ê-phê-sô 6	☐ Giô-suê 12–13	
5-11	☐ Phi-líp 1	☐ Giô-suê 14–15	
5-12	☐ Phi-líp 2	☐ Giô-suê 16–18	
5-13	☐ Phi-líp 3	☐ Giô-suê 19–20, Thi 53	
5-14	☐ Phi-líp 4	☐ Giô-suê 21–22	
5-15	☐ Cô-lô-se 1	☐ Giô-suê 23–24, Thi 99	
5-16	☐ Cô-lô-se 2	☐ Quan Xét 1–2, Thi 133	
5-17	☐ Cô-lô-se 3	☐ Quan Xét 3–4, Thi 14	
5-18	☐ Cô-lô-se 4	☐ Quan Xét 5–6	
5-19	☐ 1 Tê-sa 1–2	☐ Quan Xét 7–8	
5-20	☐ 1 Tê-sa 3–4	☐ Quan Xét 9–10	
5-21	☐ 1 Tê-sa 5	☐ Quan Xét 11–13	
5-22	☐ 2 Tê-sa 1–2	☐ Quan Xét 14–17	
5-23	☐ 2 Tê-sa 3	☐ Quan Xét 18–20	
5-24	☐ Mathiơ 1	☐ Quan Xét 21, Ru-tơ 1–2	
5-25	☐ Mathiơ 2	☐ Ru-tơ 3–4, Thi 68	

3. CHƯƠNG TRÌNH ĐỌC KINH THÁNH MỘT-HAI (qua Cựu Ước một lần và Tân Ước hai lần)			
2. ĐỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH ĐỜI SỐNG VỮNG CHẮC			
Ngày	1. ĐỌC TÂN ƯỚC	(đọc hai cột)	(đọc cả ba cột)
5-26	☐ Mathiơ 3	☐ 1 Sam 1-3	
5-27	☐ Mathiơ 4	☐ 1 Sam 4-7	
5-28	☐ Mathiơ 5	☐ 1 Sam 8-9	
5-29	☐ Mathiơ 6	☐ 1 Sam 10-12	
5-30	☐ Mathiơ 7	☐ 1 Sam 13-14	
5-31	☐ Mathiơ 8	☐ 1 Sam 15-16	
6-01	☐ Mathiơ 9	☐ 1 Sam 17, Thi 144	
6-02	☐ Mathiơ 10	☐ 1 Sam 18-19, Thi 59	
6-03	☐ Mathiơ 11	☐ 1 Sam 20, Thi 83	
6-04	☐ Mathiơ 12	☐ 1 Sam 21, Thi 34, 56	
6-05	☐ Mathiơ 13	☐ 1 Sam 22, Thi 52, 57, 63, 142	
6-06	☐ Mathiơ 14	☐ 1 Sam 23-24, Thi 54	
6-07	☐ Mathiơ 15	☐ 1 Sử Ký 1	
6-08	☐ Mathiơ 16	☐ 1 Sử Ký 2, Thi 87	
6-09	☐ Mathiơ 17	☐ 1 Sam 25, 1 Sử Ký 3	
6-10	☐ Mathiơ 18	☐ 1 Sam 26, 1 Sử Ký 4	
6-11	☐ Mathiơ 19	☐ 1 Sam 27-28, 1 Sử Ký 5	
6-12	☐ Mathiơ 20	☐ 1 Sử Ký 6	
6-13	☐ Mathiơ 21	☐ 1 Sam 29, 1 Sử Ký 7	
6-14	☐ Mathiơ 22	☐ 1 Sử Ký 8, 1 Sam 30	
6-15	☐ Mathiơ 23	☐ 1 Sử Ký 9-10, 1 Sam 31	
6-16	☐ Mathiơ 24	☐ 2 Sam 1, Thi 85	
6-17	☐ Mathiơ 25	☐ 2 Sam 2, 1 Sử Ký 11	
6-18	☐ Mathiơ 26	☐ 2 Sam 3	
6-19	☐ Mathiơ 27	☐ 2 Sam 4, Thi 22	
6-20	☐ Mathiơ 28	☐ 1 Sử Ký 12, Thi 37	
6-21	☐ 1 Tim 1	☐ 2 Sam 5, 1 Sử Ký 13-14, Thi 30	☐ Luca 1
6-22	☐ 1 Tim 2-3	☐ 2 Sam 6, 1 Sử Ký 15, Thi 122	
6-23	☐ 1 Tim 4	☐ 1 Sử Ký 16, Thi 105	
6-24	☐ 1 Tim 5	☐ 2 Sam 7, 1 Sử Ký 17, Thi 23	
6-25	☐ 1 Tim 6	☐ 2 Sam 8-9, 1 Sử Ký 18, Thi 60	
6-26	☐ 2 Tim 1	☐ 2 Sam 10, 1 Sử Ký 19-20, Thi 107	
6-27	☐ 2 Tim 2	☐ 2 Sam 11-12, Thi 51	
6-28	☐ 2 Tim 3	☐ 2 Sam 13-14	☐ Luca 2
6-29	☐ 2 Tim 4	☐ 2 Sam 15, Thi 3, 89	
6-30	☐ Tít 1	☐ 2 Sam 16-18, Thi 7, 41	

3. CHƯƠNG TRÌNH ĐỌC KINH THÁNH MỘT-HAI (qua Cựu Ước một lần và Tân Ước hai lần)			
2. ĐỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH ĐỜI SỐNG VỮNG CHẮC			
Ngày	1. ĐỌC TÂN ƯỚC	(đọc hai cột)	(đọc cả ba cột)
7-01	☐ Tít 2	☐ 2 Sam 19–21	
7-02	☐ Tít 3	☐ 2 Sam 22, Thi 18	
7-03	☐ Phi-lê-môn	☐ 2 Sam 23–24, 1 Sử Ký 21	
7-04	☐ Hêbơơ 1	☐ 1 Sử Ký 22–24	
7-05	☐ Hêbơơ 2	☐ 1 Sử Ký 25–26, Thi 62	☐ Luca 3
7-06	☐ Hêbơơ 3	☐ 1 Vua 1, 1 Sử Ký 27	
7-07	☐ Hêbơơ 4	☐ 1 Vua 2, 1 Sử Ký 28–29	
7-08	☐ Hêbơơ 5	☐ 1 Vua 3, 2 Sử Ký 1, Thi 72	☐ Luca 4
7-09	☐ Hêbơơ 6	☐ 1 Vua 4, Thi 9	☐ Luca 5
7-10	☐ Hêbơơ 7	☐ 1 Vua 5–6, 2 Sử Ký 2–3	
7-11	☐ Hêbơơ 8	☐ 1 Vua 7, 2 Sử Ký 4	☐ Luca 6
7-12	☐ Hêbơơ 9	☐ 1 Vua 8, 2 Sử Ký 5	
7-13	☐ Hêbơơ 10	☐ 2 Sử Ký 6–7, Thi 127	
7-14	☐ Hêbơơ 11	☐ 1 Vua 9, 2 Sử Ký 8	☐ Luca 7
7-15	☐ Hêbơơ 12	☐ 1 Vua 10, 2 Sử Ký 9	
7-16	☐ Hêbơơ 13	☐ Châm 1–2, Thi 128	☐ Luca 8
7-17	☐ Gia-cơ 1	☐ Châm 3–4	
7-18	☐ Gia-cơ 2	☐ Châm 5–6	☐ Luca 9
7-19	☐ Gia-cơ 3	☐ Châm 7–8, Thi 123	☐ Luca 10
7-20	☐ Gia-cơ 4	☐ Châm 9–11	
7-21	☐ Gia-cơ 5	☐ Châm 12–13, Thi 149	☐ Luca 11
7-22	☐ 1 Phiêrơ 1	☐ Châm 14–15	
7-23	☐ 1 Phiêrơ 2	☐ Châm 16–17	☐ Luca 12
7-24	☐ 1 Phiêrơ 3	☐ Châm 18–19, Thi 16	☐ Luca 13
7-25	☐ 1 Phiêrơ 4	☐ Châm 20–21, Thi 11	
7-26	☐ 1 Phiêrơ 5	☐ Châm 22–23, Thi 101	☐ Luca 14
7-27	☐ 2 Phiêrơ 1	☐ Châm 24–25	☐ Luca 15
7-28	☐ 2 Phiêrơ 2	☐ Châm 26–27, Thi 98	
7-29	☐ 2 Phiêrơ 3	☐ Châm 28–29, Thi 48	
7-30	☐ 1 Giăng 1	☐ Châm 30–31, Thi 96	
7-31	☐ 1 Giăng 2	☐ Nhã Ca 1–4	
8-01	☐ 1 Giăng 3	☐ Nhã Ca 5–8, Thi 13	
8-02	☐ 1 Giăng 4	☐ 1 Vua 11, Truyền Đạo 1	☐ Luca 16
8-03	☐ 1 Giăng 5	☐ Truyền Đạo 2–4	☐ Luca 17
8-04	☐ 2-3 Giăng	☐ Truyền Đạo 5–7	
8-05	☐ Giu-đe	☐ Truyền Đạo 8–10, Thi 150	☐ Luca 18

3. CHƯƠNG TRÌNH ĐỌC KINH THÁNH MỘT-HAI (qua Cựu Ước một lần và Tân Ước hai lần)			
2. ĐỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH ĐỜI SỐNG VỮNG CHẮC			
Ngày	1. ĐỌC TÂN ƯỚC	(đọc hai cột)	(đọc cả ba cột)
8-06	☐ Khải 1	☐ Truyền Đạo 11–12, Thi 106	
8-07	☐ Khải 2	☐ 1 Vua 12, 2 Sử Ký 10, Thi 125	☐ Luca 19
8-08	☐ Khải 3	☐ 1 Vua 13, 2 Sử Ký 11, Thi 130	☐ Luca 20
8-09	☐ Khải 4–5	☐ 1 Vua 14, 2 Thi 12–13	
8-10	☐ Khải 6	☐ 1 Vua 15, 2 Thi 14–16	
8-11	☐ Khải 7	☐ 1 Vua 16–17, Thi 76	☐ Luca 21
8-12	☐ Khải 8–9	☐ 1 Vua 18–19	
8-13	☐ Khải 10–11	☐ 1 Vua 20–21	
8-14	☐ Khải 12	☐ 1 Vua 22, 2 Sử Ký 17	☐ Luca 22
8-15	☐ Khải 13	☐ 2 Vua 1, 2 Sử Ký 18–19, Thi 70	
8-16	☐ Khải 14	☐ 2 Vua 2–4	
8-17	☐ Khải 15–16	☐ 2 Vua 5, 2 Sử Ký 20	
8-18	☐ Khải 17	☐ 2 Vua 6–7, Thi 115	☐ Luca 23
8-19	☐ Khải 18	☐ 2 Vua 8, 2 Sử Ký 21, Thi 27	☐ Luca 24
8-20	☐ Khải 19	☐ 2 Vua 9–10	
8-21	☐ Khải 20	☐ 2 Sử Ký 22–23, Thi 69	
8-22	☐ Khải 21	☐ 2 Vua 11–12, 2 Sử Ký 24	
8-23	☐ Khải 22	☐ Giô-ên 1–3	
8-24	☐ Mác 1	☐ Giô-na 1–4	
8-25	☐ Mác 2	☐ 2 Vua 13, Thi 104	
8-26	☐ Mác 3	☐ 2 Vua 14, 2 Sử Ký 25	
8-27	☐ Mác 4	☐ A-mốt 1–3	
8-28	☐ Mác 5	☐ A-mốt 4–6	
8-29	☐ Mác 6	☐ A-mốt 7–9	
8-30	☐ Mác 7	☐ Êsai 1–2	
8-31	☐ Mác 8	☐ Êsai 3–5	
9-01	☐ Mác 9	☐ 2 Sử Ký 26, Êsai 6–7	
9-02	☐ Mác 10	☐ 2 Vua 15, 2 Sử Ký 27	
9-03	☐ Mác 11	☐ Ô-sê 1–3, Thi 92	
9-04	☐ Mác 12	☐ Ô-sê 4–7	
9-05	☐ Mác 13	☐ Ô-sê 8–11	
9-06	☐ Mác 14	☐ Ô-sê 12–13	
9-07	☐ Mác 15	☐ Ô-sê 14, Mi-chê 1–2, Thi 29	
9-08	☐ Mác 16	☐ Mi-chê 3–4, Thi 105	
9-09	☐ Giảng 1	☐ Mi-chê 5–7	
9-10	☐ Giảng 2	☐ Êsai 8–9, Thi 39	☐ 1 Côr 1
9-11	☐ Giảng 3	☐ Êsai 10–12	

3. CHƯƠNG TRÌNH ĐỌC KINH THÁNH MỘT-HAI (qua Cựu Ước một lần và Tân Ước hai lần)			
2. ĐỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH ĐỜI SỐNG VỮNG CHẮC			
Ngày	1. ĐỌC TÂN ƯỚC	(đọc hai cột)	(đọc cả ba cột)
9-12	☐ Giảng 4	☐ Êsai 13-14	
9-13	☐ Giảng 5	☐ Êsai 15-17	☐ 1 Côr 2
9-14	☐ Giảng 6	☐ Êsai 18-19	
9-15	☐ Giảng 7	☐ Êsai 20-21, Thi 32	☐ 1 Côr 3
9-16	☐ Giảng 8	☐ Êsai 22-23	
9-17	☐ Giảng 9	☐ Êsai 24-25, Thi 42	☐ 1 Côr 4
9-18	☐ Giảng 10	☐ Êsai 26-28	
9-19	☐ Giảng 11	☐ Êsai 29-30	
9-20	☐ Giảng 12	☐ Êsai 31-32, Thi 138	☐ 1 Côr 5
9-21	☐ Giảng 13	☐ Êsai 33-34, Thi 4	☐ 1 Côr 6
9-22	☐ Giảng 14	☐ 2 Vua 16, 2 Sử Ký 28, Thi 113	☐ 1 Côr 7
9-23	☐ Giảng 15	☐ 2 Vua 17, Êsai 35, Thi 8	☐ 1 Côr 8
9-24	☐ Giảng 16	☐ 2 Vua 18, 2 Sử Ký 29	
9-25	☐ Giảng 17	☐ 2 Sử Ký 30-31	☐ 1 Côr 9
9-26	☐ Giảng 18	☐ Êsai 36-37	
9-27	☐ Giảng 19	☐ 2 Vua 19, 2 Sử Ký 32	
9-28	☐ Giảng 20	☐ 2 Vua 20, Êsai 38-39, Thi 134	☐ 1 Côr 10
9-29	☐ Giảng 21	☐ Êsai 40-41	☐ 1 Côr 11
9-30	☐ Cvcstd 1	☐ Êsai 42-43, Thi 82	☐ 1 Côr 12
10-01	☐ Cvcstd 2	☐ Êsai 44-45	
10-02	☐ Cvcstd 3	☐ Êsai 46-47, Thi 35	☐ 1 Côr 13
10-03	☐ Cvcstd 4	☐ Êsai 48-49	☐ 1 Côr 14
10-04	☐ Cvcstd 5	☐ Êsai 50-51, Thi 58	☐ 1 Côr 15
10-05	☐ Cvcstd 6	☐ Êsai 52-54, Thi 102	☐ 1 Côr 16
10-06	☐ Cvcstd 7	☐ Êsai 55-57	
10-07	☐ Cvcstd 8	☐ Êsai 58-59, Thi 5	☐ 2 Côr 1
10-08	☐ Cvcstd 9	☐ Êsai 60-61, Thi 111	☐ 2 Côr 2
10-09	☐ Cvcstd 10	☐ Êsai 62-64	
10-10	☐ Cvcstd 11	☐ Êsai 65-66, Thi 124	☐ 2 Côr 3
10-11	☐ Cvcstd 12	☐ 2 Vua 21, 2 Sử Ký 33, Thi 75	☐ 2 Côr 4
10-12	☐ Cvcstd 13	☐ Na-hum 1-3	
10-13	☐ Cvcstd 14	☐ 2 Vua 22, 2 Sử Ký 34	
10-14	☐ Cvcstd 15	☐ 2 Vua 23, 2 Sử Ký 35	
10-15	☐ Cvcstd 16	☐ Ha-ba-cúc 1-3	
10-16	☐ Cvcstd 17	☐ Sô-phô-ni 1-3	☐ 2 Côr 5
10-17	☐ Cvcstd 18	☐ Giê-rê-mi 1-2	
10-18	☐ Cvcstd 19	☐ Giê-rê-mi 3-4	

3. CHƯƠNG TRÌNH ĐỌC KINH THÁNH MỘT-HAI (qua Cựu Ước một lần và Tân Ước hai lần)			
2. ĐỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH ĐỜI SỐNG VỮNG CHẮC			
Ngày	1. ĐỌC TÂN ƯỚC	(đọc hai cột)	(đọc cả ba cột)
10-19	☐ Cvcđ 20	☐ Giê-rê-mi 5-6	
10-20	☐ Cvcđ 21	☐ Giê-rê-mi 7-8	
10-21	☐ Cvcđ 22	☐ Giê-rê-mi 9-10, Thi 100	☐ 2 Côr 6
10-22	☐ Cvcđ 23	☐ Giê-rê-mi 11-12, Thi 97	☐ 2 Côr 7
10-23	☐ Cvcđ 24	☐ Giê-rê-mi 13-14, Thi 141	☐ 2 Côr 8
10-24	☐ Cvcđ 25	☐ Giê-rê-mi 15-16, Thi 10	☐ 2 Côr 9
10-25	☐ Cvcđ 26	☐ Giê-rê-mi 17-18	☐ 2 Côr 10
10-26	☐ Cvcđ 27	☐ Giê-rê-mi 19-20, Thi 146	☐ 2 Côr 11
10-27	☐ Cvcđ 28	☐ 2 Vua 24, Giê-rê-mi 22, Thi 43	☐ 2 Côr 12
10-28	☐ Rô-ma 1	☐ Giê-rê-mi 23, 25	
10-29	☐ Rô-ma 2	☐ Giê-rê-mi 26, 35-36	
10-30	☐ Rô-ma 3	☐ Giê-rê-mi 45-47, Thi 86	☐ 2 Côr 13
10-31	☐ Rô-ma 4	☐ Giê-rê-mi 48-49	
11-01	☐ Rô-ma 5	☐ Giê-rê-mi 21, 24, 27, Thi 33	
11-02	☐ Rô-ma 6	☐ Giê-rê-mi 28, 29, Thi 17	
11-03	☐ Rô-ma 7	☐ Giê-rê-mi 30-31	
11-04	☐ Rô-ma 8	☐ Giê-rê-mi 32-33	
11-05	☐ Rô-ma 9	☐ Giê-rê-mi 34, 37-38	
11-06	☐ Rô-ma 10	☐ Giê-rê-mi 39, 50	☐ Côlôse 1
11-07	☐ Rô-ma 11	☐ Giê-rê-mi 51	
11-08	☐ Rô-ma 12	☐ Giê-rê-mi 52, Êxêchiên 1	☐ Côlôse 2
11-09	☐ Rô-ma 13	☐ Êxêchiên 2-5	☐ Côlôse 3
11-10	☐ Rô-ma 14	☐ Êxêchiên 6-8, Thi 117	☐ Côlôse 4
11-11	☐ Rô-ma 15	☐ Êxêchiên 9-11	
11-12	☐ Rô-ma 16	☐ Êxêchiên 12-14	
11-13	☐ Ga-la-ti 1	☐ Êxêchiên 15-16	
11-14	☐ Ga-la-ti 2	☐ Êxêchiên 17-18, Thi 20	
11-15	☐ Ga-la-ti 3	☐ Êxêchiên 19-20	
11-16	☐ Ga-la-ti 4	☐ Êxêchiên 21-22	
11-17	☐ Ga-la-ti 5	☐ Êxêchiên 23-24	
11-18	☐ Ga-la-ti 6	☐ Êxêchiên 25-26, Thi 118	☐ 1 Tê-sa 1
11-19	☐ Ê-phê-sô 1	☐ Êxêchiên 27-28	☐ 1 Tê-sa 2
11-20	☐ Ê-phê-sô 2	☐ Êxêchiên 29-30, Thi 147	☐ 1 Tê-sa 3
11-21	☐ Ê-phê-sô 3	☐ Êxêchiên 31-32, Thi 45	☐ 1 Tê-sa 4
11-22	☐ Ê-phê-sô 4	☐ 2 Vua 25, 2 Sử Ký 36	☐ 1 Tê-sa 5
11-23	☐ Ê-phê-sô 5	☐ Giê-rê-mi 40-41, Thi 38	
11-24	☐ Ê-phê-sô 6	☐ Giê-rê-mi 42-44	

3. CHƯƠNG TRÌNH ĐỌC KINH THÁNH MỘT-HAI (qua Cựu Ước một lần và Tân Ước hai lần)			
2. ĐỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH ĐỜI SỐNG VỮNG CHẮC			
Ngày	1. ĐỌC TÂN ƯỚC	(đọc hai cột)	(đọc cả ba cột)
11-25	☐ Phi-líp 1	☐ Ca Thương 1–2, Thi 79	
11-26	☐ Phi-líp 2	☐ Ca Thương 3	
11-27	☐ Phi-líp 3	☐ Ca Thương 4–5, Áp-đi-a	
11-28	☐ Phi-líp 4	☐ Đa-ni-ên 1–2, Thi 137	
11-29	☐ 1 Tim 1	☐ Đa-ni-ên 3–4	☐ 2 Tê-sa 1
11-30	☐ 1 Tim 2	☐ Ê-xê-chiên 33–34, Thi 114	☐ 2 Tê-sa 2
12-01	☐ 1 Tim 3	☐ Ê-xê-chiên 35–36, Thi 77	☐ 2 Tê-sa 3
12-02	☐ 1 Tim 4	☐ Ê-xê-chiên 37–38, Thi 44	
12-03	☐ 1 Tim 5	☐ Ê-xê-chiên 39–40	
12-04	☐ 1 Tim 6	☐ Ê-xê-chiên 41–42, Thi 135	
12-05	☐ 2 Tim 1	☐ Ê-xê-chiên 43–44, Thi 112	☐ Tít 1
12-06	☐ 2 Tim 2	☐ Ê-xê-chiên 45–46, Thi 36	☐ Tít 2
12-07	☐ 2 Tim 3	☐ Ê-xê-chiên 47–48, Thi 26	☐ Tít 3
12-08	☐ 2 Tim 4	☐ Đa-ni-ên 5–6, Thi 131	☐ Phi-lê-môn
12-09	☐ Hê-bơ-rơ 1	☐ Đa-ni-ên 7–8, Thi 116	
12-10	☐ Hê-bơ-rơ 2	☐ Đa-ni-ên 9–10, Thi 50	
12-11	☐ Hê-bơ-rơ 3	☐ Đa-ni-ên 11–12, Thi 95	
12-12	☐ Hê-bơ-rơ 4	☐ Ê-xơ-ra 1–2	
12-13	☐ Hê-bơ-rơ 5	☐ Ê-xơ-ra 3–4, A-ghe 1–2	
12-14	☐ Hê-bơ-rơ 6	☐ Xa-cha-ri 1–3, Thi 55	
12-15	☐ Hê-bơ-rơ 7	☐ Xa-cha-ri 4–6, Thi 66	☐ 1 Phi-e-rơ 1
12-16	☐ Hê-bơ-rơ 8	☐ Xa-cha-ri 7–9, Thi 25	☐ 1 Phi-e-rơ 2
12-17	☐ Hê-bơ-rơ 9	☐ Xa-cha-ri 10–12, Thi 40	☐ 1 Phi-e-rơ 3
12-18	☐ Hê-bơ-rơ 10	☐ Xa-cha-ri 13–14, Thi 80	☐ 1 Phi-e-rơ 4
12-19	☐ Hê-bơ-rơ 11	☐ Ê-xơ-ra 5–6, Thi 110	☐ 1 Phi-e-rơ 5
12-20	☐ Hê-bơ-rơ 12	☐ Ê-xơ-tê 1–2, Thi 108	
12-21	☐ Hê-bơ-rơ 13	☐ Ê-xơ-tê 3–6, Thi 126	
12-22	☐ Gia-cơ 1	☐ Ê-xơ-tê 7–10	
12-23	☐ Gia-cơ 2	☐ Ê-xơ-ra 7–8	
12-24	☐ Gia-cơ 3	☐ Ê-xơ-ra 9–10, Thi 28	☐ 2 Phi-e-rơ 1
12-25	☐ Gia-cơ 4	☐ Nê-hê-mi 1–3, Thi 120	☐ 2 Phi-e-rơ 2
12-26	☐ Gia-cơ 5	☐ Nê-hê-mi 4–6, Thi 93	☐ 2 Phi-e-rơ 3
12-27	☐ 1 Giăng 1	☐ Nê-hê-mi 7–8	
12-28	☐ 1 Giăng 2	☐ Nê-hê-mi 9–10	
12-29	☐ 1 Giăng 3	☐ Nê-hê-mi 11–12	
12-30	☐ 1 Giăng 4	☐ Nê-hê-mi 13, Ma-la-chi 1–2	☐ 2 Giăng
12-31	☐ 1 Giăng 5	☐ Ma-la-chi 3–4, Thi 78	☐ 3 Giăng